TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v "Ly hôn giữa bà C với ông M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

***- T ký phiên Tòa*:** Ông Trần M Quyền - T ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 519/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Lê Ngọc Anh C,** sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 400/15 CMT, phường 11, Quận 3, thành phố Hồ Chí M.

Bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 23/11/2023.

* *Bị đơn:* **Trần Văn M**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hưng, xã PV, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Ông M hiện tại đang chấp hành án phạt tù tại Đội 10, phân trại số 01, trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Ông M có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 01/8/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/9/2023, những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Lê Ngọc Anh C trình bày:

Bà Lê Ngọc Anh C với ông Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PV, huyện BĐ, tỉnh

Bến Tre. Sau khi cưới, thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M đánh đập, chửi mắng bà C và có mối quan hệ khác. Đến tháng 4/2022, ông M bị bắt về tội cố ý gây Tơng tích và tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện tại, ông M đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng. Bà Lê Ngọc Anh C không còn tình cảm vợ, chồng với ông M nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Thị Anh T, sinh ngày 24/5/2016. Sau khi ly hôn, bà Lê Ngọc Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre đối với ông Trần Văn M, ông M trình bày:

Ông M thống nhất với lời trình bày của bà Lê Ngọc Anh C về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian vợ, chồng chung sống có cự cải với nhau, tuy nhiên mâu thuẫn không có gì lớn. Hiện tại, ông M đang bị chấp hành án tại Đội 10, phân trại số 01, trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với thời gian chấp hành án là 16 năm 06 tháng. Do đó, bà Lê Ngọc Anh C yêu cầu ly hôn, ông M đồng ý.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Trần Thị Anh T, sinh ngày 24/5/2016. Sau khi ly hôn, ông M đồng ý để chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và T ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc Anh C đối với ông Trần Văn M.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Trần Thị Anh T, sinh ngày 24/5/2016. Cháu T đang sống chung với bà C. Do đó, cần giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu T để đảm bảo sự phát triển bình Tòng của trẻ (Phù hợp với nguyện vọng của cháu T trên 07 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, các đương sự Lê Ngọc Anh C, Trần Văn M đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Ngọc Anh C với ông Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ, chồng giữa bà C với ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại, ông M đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai với thời gian còn lại khoảng 14 năm tù, do đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng giữa bà C với ông M. Bà Lê Ngọc Anh C có nguyện vọng ly hôn, ông M cũng đồng ý, do đó cần tạo điều kiện cho bà Lê Ngọc Anh C xây dựng cuộc sống mới. Hiện tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Trần Thị Anh T, sinh ngày 04/5/2016. Cháu T đang sống chung với bà C. Do đó cần giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình Tòng của trẻ (Phù hợp với nguyện vọng của cháu T trên 07 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Ngọc Anh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc Anh C đối với ông Trần Văn M.

Cho ly hôn giữa bà Lê Ngọc Anh C đối với ông Trần Văn M.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Ngọc Anh C với ông Trần Văn M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Ngọc Anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 24/5/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Ngọc Anh C không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông M không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà C trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc Anh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000552 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà Lê Ngọc Anh C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà Lê Ngọc Anh C, ông Trần Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã PV;
(Số 15/2016, ngày 11/5/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi